

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH BẢO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2019/HS-ST
Ngày 17-9-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO -THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thu

Ông Nguyễn Văn Quyết

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Ly Ly, Thư ký Toà án nhân dân huyện VB, Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VB tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Sơn, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2019/TLST-HS ngày 06 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2019/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 9 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn K, sinh ngày 10-7-1973 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn X, TA , xã LH , huyện VB, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn K1 và bà Trần Thị N ; có vợ là Vũ Thị H và 02 con; tiền sự, tiền án: Không; bị tạm giữ từ ngày 20-02-2019 đến ngày 25-02-2019 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Lê Văn K2, sinh ngày 16-3-1977 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn X, TA , xã LH , huyện VB, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Kh và bà Nguyễn Thị L ; có vợ là Vũ Thị O và 03 con; tiền sự, tiền án: Không; bị tạm giữ từ ngày 20-02-2019 đến ngày 25-02-2019 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. Hoàng Văn N (tên gọi khác Hoàng Văn N1), sinh ngày 19-6-1981 tại Hải Phòng. Đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ X, khu Y, phường QT, thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở: Đội X, xã CM , huyện VB, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Hoàng Văn Kh và bà Phạm Thị S; có vợ là Trịnh Thị L (Đã ly hôn) và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án hình sự số 77/HS-ST ngày 09-5-2002 của Tòa án nhân dân quân TĐ, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự N 1999 (Đã được xóa án tích); bị tạm giữ từ ngày 20-02-2019 đến ngày 25-02-2019 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt

4. Trần Đức T , sinh ngày 01-11-1986 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Đội X, thôn TA , xã LH , huyện VB, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn K và bà Nguyễn Thị N ; có vợ là Vũ Thị H và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 20-02-2019 đến ngày 25-02-2019 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

5. Nguyễn Văn D , sinh ngày 07-3-1981 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Đội X, thôn TA , xã LH , huyện VB, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị X ; có vợ là Nguyễn Thị N và có 02 con; tiền sự, tiền án: Không; bị tạm giữ từ ngày 20-02-2019 đến ngày 25-02-2019 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 20-02-2019 Trần Đức T , Lê Văn K2, Hoàng Văn N (tên gọi khác Hoàng Văn N1) đến nhà Lê Văn K ở thôn 5, xã LH , huyện VB, thành phố Hải Phòng chơi uống nước. Tại đây cả 04 đối tượng rủ nhau chơi đánh bạc ăn tiền bằng hình thức đánh “liêng” bằng 01 bộ bài tứ lơ khơ 52 cây do K lấy tại quán bán hàng của nhà mình để mọi người cùng chơi. Đến khoảng 17 giờ 50 phút cùng ngày, Nguyễn Văn D đến nhà K chơi thì K để lại toàn bộ tiền của mình và nhờ D đánh giúp để K đi nấu cơm. Lúc này, mặc dù D biết rõ K , K2 , T và N đang đánh “liêng” trái phép được thua bằng tiền nhưng vẫn đồng ý vào thay K tham gia đánh bạc cùng với K2 , T , N theo quy ước cụ thể như sau: Từ bộ bài

tú lơ khơ 52 lá, chia cho mỗi người chơi 03 lá. Người nào có 03 lá bài cùng số giống nhau thì gọi là “sáp”. Người nào có ba lá bài liên tiếp với nhau thì gọi là “liêng”. Người nào có 3 lá bài đều là hình người nhưng không phải là “sáp” và “liêng” thì gọi là “ảnh”. Người nào có 3 lá bài không phải là “sáp”, “liêng” hoặc “ảnh” thì cộng số của 3 lá bài lại để tính điểm theo cách thức: Các lá bài từ A đến 9 được tính tương ứng từ 1 đến 9 điểm, các lá bài 10, J, Q, K được tính là 0 điểm. Nếu tổng điểm của 3 lá bài lớn hơn 10 thì điểm của bộ bài đó chỉ tính chữ số của hàng đơn vị. Các bộ bài được đánh giá theo thứ tự từ thấp đến cao, trong đó bộ bài “sáp” là to nhất rồi lần lượt theo thứ tự là “liêng”, sau đó là “ảnh” và cuối cùng là “điểm”. Nếu có nhiều bộ bài cùng “liêng”, cùng “ảnh” hoặc “điểm” như nhau thì sẽ so sánh chất của các lá bài để tính thắng, thua theo thứ tự, “rô” là to nhất, sau đó “cơ” rồi đến “bích” và cuối cùng là “tép” (nhép) nhỏ nhất. Người nào có bộ bài cao nhất thì thắng và là người chia bài ở ván tiếp theo.

Với cách thức đặt cược, các bị cáo quy định như sau: Mỗi ván bài, những người chơi phải đặt cược tối thiểu là 50.000 đồng (gọi là góp gà). Sau kiểm tra bài, người chia bài (người cái) sẽ là người đầu tiên được quyền lựa chọn là úp bài hoặc đặt cược tiếp (hay còn gọi là tố). Tiếp theo, những người chơi còn lại sẽ lựa chọn là úp bài (bỏ bài) hoặc theo (tức là đặt cược bằng số tiền mà người trước đó đã đặt) hoặc tố thêm (tức là đặt cược lớn hơn số tiền mà người trước đó đã đặt). Mọi người có quyền tố thêm nhiều lần với mức 50.000 đồng/01 lần trở lên nhưng không được vượt quá 200.000 đồng/lần và ván bài chỉ kết thúc khi không có người nào theo hoặc tố thêm nữa. Nếu người nào T trong ván đó thì được tất cả số tiền của những người chơi khác đã đặt cược và ngược lại, người nào thua thì mất toàn bộ số tiền mà mình đã đặt cược. Đồng thời nếu người nào có bộ bài “sáp” thì được thêm của tất cả những người chơi khác là 200.000 đồng/người

Ngoài ra các bị cáo còn khai nhận: Trước khi đánh bạc, các bị cáo đã thống nhất nếu người nào có bộ bài “sáp” thì phải bỏ ra ngoài 50.000 đồng/người/lần để mua nước, thuốc cùng sử dụng. Khi đánh bạc, Lê Văn K có 2.250.000 đồng và sử dụng hết để đánh bạc nhưng không biết T thua như thế nào thì bị bắt. Lê Văn K2 có 1.400.000 đồng và sử dụng hết để đánh bạc nhưng không biết T thua như thế nào thì bị bắt. Trần Đức T có 5.100.000 đồng nhưng chỉ sử dụng 1.000.000 đồng để đánh bạc và không biết T thua như thế nào thì bị bắt. Hoàng Văn N có 2.300.000 đồng nhưng chỉ sử dụng 1.100.000 đồng để đánh bạc, đang hòa thì bị bắt. Nguyễn Văn D có 3.780.000 đồng nhưng không sử dụng để đánh bạc mà sử dụng toàn bộ tiền của K để đánh bạc giúp K. Trong quá trình đánh bạc không có người nào đứng ra tổ chức, canh gác hoặc thu tiền hồ, tiền phí gì mà chỉ có K, N, T mỗi người đã được một bộ bài “sáp” nên đã bỏ ra 50.000 đồng/người/ván, tổng cộng được 150.000 đồng như đã thống nhất trên. Sau đó K đã mua nước, thuốc

hết số tiền này và mang về cho mọi người cùng sử dụng. Đến khoảng 18 giờ 10 phút cùng ngày, khi các bị cáo đang đánh bạc thì bị Công an huyện VB bắt quả tang, thu giữ tại chỗ gồm 01 bộ bài tú lơ khơ có 52 lá bài và số tiền 5.600.000 đồng, thu trong người của D 3.780.000 đồng, của T 4.100.000 đồng, của N 1.200.000 đồng, đồng thời dẫn giải các đối tượng về trụ sở Công an huyện VB để xác minh làm rõ.

Với các tài liệu, chứng cứ thu thập được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện VB đã ra Quyết định khởi tố vụ án, Quyết định khởi tố bị can đối với Lê Văn K, Lê Văn K2, Hoàng Văn N , Trần Đức T và Nguyễn Văn D đều về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 BLHS N 2015.

Bản cáo trạng số 26/CT-VKS ngày 27 tháng 7 N 2019 Viện Kiểm sát nhân dân huyện VB đã truy tố Lê Văn K, Lê Văn K2, Hoàng Văn N , Trần Đức T và Nguyễn Văn D đồng phạm tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 BLHS N 2015.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Lê Văn K, Lê Văn K2, Hoàng Văn N , Trần Đức T và Nguyễn Văn D đều khai nhận hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã nêu.

Kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội khẳng định việc truy tố các bị cáo Lê Văn K, Lê Văn K2, Hoàng Văn N , Trần Đức T và Nguyễn Văn D đồng phạm tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 BLHS N 2015 như bản Cáo trạng đã nêu là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Căn cứ vào tính chất, hậu quả của hành vi phạm tội, vị trí, vai trò, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 BLHS N 2015 đối với bị cáo Hoàng Văn N ; áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 đối với các bị cáo Lê Văn K, Lê Văn K2, Trần Đức T và Nguyễn Văn D ; áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS N 2015 đối với các bị cáo Lê Văn K, Hoàng Văn N , Trần Đức T và Nguyễn Văn D . Áp dụng Điều 65 BLHS N 2015 đối với bị cáo Lê Văn K, áp dụng Điều 36 BLHS N 2015 đối với các bị cáo Lê Văn K2, Hoàng Văn N , Trần Đức T và Nguyễn Văn D . Tuyên bố các bị cáo Lê Văn K, Lê Văn K2, Hoàng Văn N , Trần Đức T và Nguyễn Văn D đồng phạm tội Đánh bạc, đề nghị xử phạt Lê Văn K từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách án treo từ 18 đến 24 tháng, phạt Lê Văn K2, Hoàng Văn N từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, phạt Trần Đức T từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ, phạt Nguyễn Văn D từ 06 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với cả 05 bị cáo do các bị cáo đều không có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định và có hoàn cảnh kinh tế khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú, đồng thời miễn khấu trừ thu

nhập đối với các bị cáo K2 , N , T , D trong thời gian cải tạo không giam giữ. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS N 2015, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 5.600.000 đồng thu tại chỗ đánh bạc. Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ có 52 lá bài. Đối với số tiền 150.000 đồng bao gồm của K 50.000 đồng, T 50.000 đồng, N 50.000 đồng do các bị cáo K , N , T đã bỏ ra để mua nước, thuốc cho tất cả các bị cáo cùng sử dụng đã không thu giữ được nên không đặt ra để giải quyết. Trả lại các bị cáo T 4.100.000 đồng; N 1.200.000đ; D 3.780.000 đồng. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật:

Tại lời nói sau cùng, các bị cáo đã trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương và không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện VB, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện VB, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo Lê Văn K, Lê Văn K2, Hoàng Văn N , Trần Đức T và Nguyễn Văn D là hoàn toàn rõ ràng, phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, vật chứng thu được và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó đã đủ cơ sở xác định: Vào 18 giờ 10 phút ngày 20-02-2019, Lê Văn K, Lê Văn K2, Hoàng Văn N , Trần Đức T và Nguyễn Văn D đã cùng nhau đánh bạc trái phép dưới hình thức đánh liêng được thua bằng tiền tại nhà của Lê Văn K ở thôn TA , xã LH , huyện VB, thành phố Hải Phòng với 01 bộ bài tú lơ khơ có 52 lá bài và số tiền để đánh bạc là 5.750.000 đồng gồm 5.600.000 đồng thu trên chiếu bạc và 150.000 đồng mà các bị cáo đã bỏ ra trong quá trình đánh bạc để mua thuốc, nước cùng sử dụng. Như vậy, đã đủ cơ sở kết luận các bị cáo Lê Văn K, Lê Văn K2, Hoàng Văn N , Trần Đức T và Nguyễn Văn D đồng phạm tội Đánh bạc, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự 2015.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, nếp sống văn minh xã hội chủ nghĩa, gây mất trật tự trị an, xã hội. Do đó cần phải xử lý nghiêm theo pháp luật của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

[4] Về vai trò của các bị cáo: Giữa các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công cụ thể, không có sự cấu kết chặt chẽ nên đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên trong vụ án này, Lê Văn K là người sử dụng số tiền lớn để đánh bạc, tiếp đến Lê Văn K2, sau đó là Hoàng Văn N , Trần Đức T , sau cùng là Nguyễn Văn D , do đó K phải chịu hình phạt cao hơn các bị cáo khác.

[5] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo: Các bị cáo Lê Văn K, Lê Văn K2, Trần Đức T và Nguyễn Văn D là những người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo Hoàng Văn N (tên gọi khác Hoàng Văn N) có 01 tiền án, đó là: Tại bản án số 77/HS-ST ngày 09-5-2002 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo khoản 1 Điều 250 BLHS N 1999. Tiền án này đến nay, bị cáo đã được xóa án tích. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đều khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự các bị cáo Lê Văn K, Lê Văn K2, Trần Đức T và Nguyễn Văn D được hưởng theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS N 2015, bị cáo Hoàng Văn N được hưởng theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS N 2015. Riêng bị cáo Lê Văn K, Nguyễn Văn D là người đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự, bố đẻ và bố vợ của bị cáo K đều là người có công với nước. Bị cáo Hoàng Văn N có bố đẻ là người có công với nước, bị nhiễm chất độc hóa học. Bị cáo T có ông nội là người có công với nước và được tặng thưởng huy chương. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo Lê Văn K, Hoàng Văn N , Trần Đức T và Nguyễn Văn D được hưởng thêm theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015. Trên cơ sở đánh giá tính chất, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù bị cáo N là người đã có tiền án nhưng đã được xóa án tích từ nhiều N nay, các bị cáo K , K2 , T và D đều là những người có nhân thân tốt. Hơn nữa cả 05 bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng. Mặt khác số tiền mà 05 bị cáo dùng vào việc đánh bạc không lớn. Vì vậy để đảm bảo mục đích của hình phạt là răn đe, phòng ngừa tội phạm, đồng thời tạo điều kiện để giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, cần áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015 đối với bị cáo K , áp dụng Điều 36 Bộ luật Hình sự 2015 đối với các bị cáo K2 , N , T , D , cho các bị cáo được cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú là phù hợp đồng thời phát huy được tính giáo dục và phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 BLHS 2015 người phạm tội còn có thể bị phạt tiền. Tuy nhiên, các bị cáo đều là lao động tự do, thu nhập thấp, là lao động chính trong gia đình. Các bị cáo có đơn xin miễn khoản tiền phạt do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn được UBND xã nơi các bị cáo cư trú xác nhận nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về việc khấu trừ thu nhập: Theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật Hình sự các bị cáo Lê Văn K2, Hoàng Văn N, Trần Đức T và Nguyễn Văn D có thể bị khấu trừ thu nhập. Tuy nhiên, các bị cáo đều có thu nhập thấp và không ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo này trong thời gian cải tạo không giam giữ.

[8] Về vật chứng: Số tiền 5.600.000 đồng (Năm triệu, sáu trăm nghìn đồng) thu tại chỗ là số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Số tiền và 150.000 đồng do các bị cáo K, N, T đã bỏ ra để mua nước, thuốc cho tất cả các bị cáo cùng sử dụng đã không thu giữ được nên không đặt ra để giải quyết. 01 bộ bài tú lơ khơ 52 lá bài là dụng cụ các bị cáo dùng đánh bạc không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy. Cần trả lại các bị cáo Trần Đức T 4.100.000 đồng, Hoàng Văn N 1.200.000 đồng, Nguyễn Văn D 3.780.000 đồng vì đây là số tiền các bị cáo không dùng để đánh bạc.

[9] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 6, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo Lê Văn K, Lê Văn K2, Hoàng Văn N, Trần Đức T và Nguyễn Văn D mỗi người phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình phạt:

1.1 Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 65, Điều 58, Điều 17, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015; xử phạt:

Lê Văn K 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, thời gian thử thách án treo là 18 (Mười tám) tháng. Thời hạn thử thách án treo tính từ ngày tuyên án.

Giao Lê Văn K cho Ủy ban nhân dân xã LH, huyện VB, thành phố Hải Phòng giám sát giáo dục.

Trong trường hợp người được hưởng án treo, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo

1.2 Căn cứ khoản 1 Điều 321, Điều 58, Điều 17, Điều 36, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 đối với bị cáo Hoàng Văn N. Áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 đối với các bị cáo Lê Văn K2, Trần Đức T và Nguyễn Văn D. Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS N 2015 đối với các bị cáo Hoàng Văn N, Trần Đức T và Nguyễn Văn D; xử phạt:

Lê Văn K2 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”, trừ cho K2 05 ngày bị tạm giữ bằng 15 ngày cải tạo không giam giữ Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Hoàng Văn N (tên gọi khác Hoàng Văn N1) 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”, trừ cho 05 ngày bị tạm giữ bằng 15 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Trần Đức T 15 (Mười năm) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”, trừ cho T 05 ngày bị tạm giữ bằng 15 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Nguyễn Văn D 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”, trừ cho D 05 ngày bị tạm giữ bằng 15 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Giao Nguyễn Văn D, Lê Văn K2, Trần Đức T cho UBND xã LH, huyện VB, thành phố Hải Phòng giám sát giáo dục

Giao Hoàng Văn N cho UBND xã CM, huyện VB, thành phố Hải Phòng giám sát giáo dục

Trong trường hợp người cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật thi hành án hình sự.

2. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 BLHS N 2015, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015. Xử tịch thu tiêu hủy 01 bộ tú lơ khơ có 52 lá bài. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 5.600.000 đồng (N triệu sáu trăm nghìn đồng). Trả

lại bị cáo Trần Đức T 4.100.000 đồng (Bốn triệu, một trăm nghìn đồng), bị cáo Hoàng Văn N (tên gọi khác Hoàng Văn N1) 1.200.000 đồng (Một triệu, hai trăm nghìn đồng), bị cáo Nguyễn Văn D 3.780.000 đồng (Ba triệu, bảy trăm tám mươi nghìn đồng). Vật chứng có đặc điểm như biên bản bàn giao giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện VB và Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự N 2015; Điều 6, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Lê Văn K, Lê Văn K2, Hoàng Văn N , Trần Đức T , Nguyễn Văn D mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có quyền kháng cáo lên toà án cấp trên để yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện VB
- TP Hải Phòng;
- Sở tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Công an thành phố Hải Phòng (PC81, PV27);
- Công an huyện VB;
- Chi Cục THADS huyện VB;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thương Huyền